



Biểu số 4

CƠ SỞ TÍNH HỆ SỐ PHÂN BỐ CHO XÃ, PHƯỜNG THEO TIÊU CHÍ TỶ SUẤT SINH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Xã/phường	Tổng tỷ suất sinh của tỉnh 1,55/64 xã phường (TFR làm căn cứ phân bố)	theo điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg là 10 điểm/64 xã phường (điểm tiêu chí TFR)	Hệ số điểm tỷ suất sinh	Ghi chú
A	B	1	2	6	3
1	Phường An Xuyên	0,0242	0,1563	10	- Tổng tỷ suất sinh thấp hơn 2,10 con/phụ nữ: $H_{tss} =$ 10 điểm - Tổng tỷ suất sinh từ 2,10 con/phụ nữ trở lên: $H_{tss} = 5$ điểm
2	Phường Lý Văn Lâm	0,0242	0,1563	10	
3	Phường Tân Thành	0,0242	0,1563	10	
4	Phường Hòa Thành	0,0242	0,1563	10	
5	Phường Bạc Liêu	0,0242	0,1563	10	
6	Phường Vĩnh Trạch	0,0242	0,1563	10	
7	Phường Hiệp Thành	0,0242	0,1563	10	
8	Phường Giá Rai	0,0242	0,1563	10	
9	Phường Láng Tròn	0,0242	0,1563	10	
10	Xã Khánh Bình	0,0242	0,1563	10	
11	Xã Đá Bạc	0,0242	0,1563	10	
12	Xã Khánh Hưng	0,0242	0,1563	10	
13	Xã Sông Đốc	0,0242	0,1563	10	
14	Xã Trần Văn Thời	0,0242	0,1563	10	
15	Xã Tân Thuận	0,0242	0,1563	10	
16	Xã Tân Tiến	0,0242	0,1563	10	
17	Xã Tạ An Khương	0,0242	0,1563	10	
18	Xã Trần Phán	0,0242	0,1563	10	
19	Xã Đầm Dơi	0,0242	0,1563	10	
20	Xã Thanh Tùng	0,0242	0,1563	10	
21	Xã Quách Phẩm	0,0242	0,1563	10	
22	Xã Thới Bình	0,0242	0,1563	10	
23	Xã Trí Phải	0,0242	0,1563	10	
24	Xã Tân Lộc	0,0242	0,1563	10	
25	Xã Biển Bạch	0,0242	0,1563	10	
26	Xã Hồ Thị Kỷ	0,0242	0,1563	10	
27	Xã U Minh	0,0242	0,1563	10	
28	Xã Nguyễn Phích	0,0242	0,1563	10	
29	Xã Khánh An	0,0242	0,1563	10	
30	Xã Khánh Lâm	0,0242	0,1563	10	
31	Xã Lương Thế Trân	0,0242	0,1563	10	
32	Xã Tân Hưng	0,0242	0,1563	10	
33	Xã Hưng Mỹ	0,0242	0,1563	10	
34	Xã Cái Nước	0,0242	0,1563	10	
35	Xã Cái Đôi Vàm	0,0242	0,1563	10	
36	Xã Nguyễn Việt Khái	0,0242	0,1563	10	
37	Xã Phú Tân	0,0242	0,1563	10	
38	Xã Phú Mỹ	0,0242	0,1563	10	
39	Xã Đất Mới	0,0242	0,1563	10	
40	Xã Năm Căn	0,0242	0,1563	10	
41	Xã Tam Giang	0,0242	0,1563	10	
42	Xã Đất Mũi	0,0242	0,1563	10	
43	Xã Phan Ngọc Hiền	0,0242	0,1563	10	
44	Xã Tân Ân	0,0242	0,1563	10	
45	Xã Phong Thạnh	0,0242	0,1563	10	
46	Xã Gành Hào	0,0242	0,1563	10	
47	Xã Định Thành	0,0242	0,1563	10	
48	Xã An Trạch	0,0242	0,1563	10	
49	Xã Long Điền	0,0242	0,1563	10	
50	Xã Đông Hải	0,0242	0,1563	10	
51	Xã Hồng Dân	0,0242	0,1563	10	
52	Xã Vĩnh lộc	0,0242	0,1563	10	
53	Xã Ninh Thạnh Lợi	0,0242	0,1563	10	
54	Xã Ninh Quới	0,0242	0,1563	10	

55	Xã Phước Long	0,0242	0,1563	10
56	Xã Vĩnh Phước	0,0242	0,1563	10
57	Xã Vĩnh Thanh	0,0242	0,1563	10
58	Xã Phong Hiệp	0,0242	0,1563	10
59	Xã Hưng Hội	0,0242	0,1563	10
60	Xã Châu Thới	0,0242	0,1563	10
61	Xã Hòa Bình	0,0242	0,1563	10
62	Xã Vĩnh Lợi	0,0242	0,1563	10
63	Xã Vĩnh Hậu	0,0242	0,1563	10
64	Xã Vĩnh Mỹ	0,0242	0,1563	10
Tổng	64 xã, phường	1,55	10	640

Ghi chú:

- Số liệu do 64 xã, phường thống kê cung cấp.
- Tổng tỷ suất sinh của tỉnh là 1,55 con, được xác định 10 điểm theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026. Hệ số phân bổ điểm cho 64 xã/phường là $10/64 = 0,1563$.